

DANH SÁCH THAM GIA HỌC CHÍNH TRỊ HÈ ĐỢT 2 - NĂM 2019
BẠC MÀM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Đơn vị công tác	Số điểm	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Hưng	03/08/1988	MN Vành Khuyên	9	
2	Vũ Thị Mỹ Hiền	20/07/1983	MN Vành Khuyên	9	
3	Nguyễn Thị Kiều Tiên	24/03/1979	MN Vành Khuyên	8	
4	Trương Thị Hoài Thương	27/01/1996	MN Hoa Hồng	8	
5	Đỗ Thị Đăng Lan	14/4/1979	MN Măng Non	8	
6	Đỗ Thị Thanh Huyền	14/07/1997	MN Bình An	8	
7	Nguyễn Thụy Tú Trinh	16/01/1984	MN Bình An	9	
8	Trần Nguyễn Như Ngọc	14/04/1997	MN Bình An	8	
9	Phan Thị Hằng	05/09/1982	MN An Phú	8	
10	Bùi Đình Đan	08/06/1986	MN An Phú	10	
11	Nguyễn Thị Huyền Trâm	07/09/1997	MN Vườn Hồng	9	
12	Nguyễn Thị Phương Nhung	18/06/1998	MN Vườn Hồng	9	
13	Huỳnh Ngọc Phấn	04/05/1994	MN Vườn Hồng	8	
14	Tạ Thị Kim Hường	12/12/1986	MN Vườn Hồng	7	
15	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/02/1993	MN Vườn Hồng	8	
16	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	14/04/1992	MN Vườn Hồng	8	
17	Phạm Tuyết Nhi	31/03/1997	MN Vườn Hồng	8	
18	Đặng Phan Ngọc Hiếu	08/07/1980	MN Vườn Hồng	8	
19	Phạm Thị Thu Hiền	10/10/1998	MN 19/5	9	
20	Nguyễn Thị Hồng	11/01/1990	MN 19/5	9	
21	Nguyễn Thị Thanh Tâm	07/05/1996	MN 19/5	9	
22	Bùi Thị Huyền	16/06/1980	MN Bình Trưng Đông	7	
23	Bùi Mai Trúc Ngân	18/07/1995	MN Bình Trưng Đông	7	
24	Nguyễn Hoài Trinh	01/4/1997	GDCB Thảo Điền	9	
25	Mai Thị Vân	22/03/1980	GDCB Thảo Điền	8	
26	Trần Thị Huệ	09/10/1988	TH Nguyễn Hiền	8	

27	Nguyễn Thị Hồng Ngân	10/05/1984	TH Giồng Ông Tố	8	
28	Đặng Thị Chung	19/09/1991	TH Giồng Ông Tố	8	
29	Trương Thị Ngọc Quỳnh	18/11/1995	TH An Phú	8	
30	Nguyễn Thị Nhật Vy	17/08/1992	TH An Phú	7	
31	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	06/11/1993	TH An Phú	7	
32	Trần Thị Minh Trâm	24/03/1980	TH Huỳnh Văn Ngời	8	
33	Bùi Thị Mến	11/09/1995	TH Huỳnh Văn Ngời	8	
34	Lê Anh Thư	20/03/1998	TH Huỳnh Văn Ngời	8	
35	Châu Văn Thịnh	12/11/1995	TH Huỳnh Văn Ngời	8	
36	Trần Thị Thiên Nhiên	27/07/1989	TH Thạnh Mỹ Lợi	7	
37	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	23/08/1989	TH Thạnh Mỹ Lợi	8	
38	Nguyễn Quang Trung	26/08/1983	TH Thạnh Mỹ Lợi	7	
39	Trịnh Lan Anh	25/05/1972	TH An Khánh	8	
40	Đào Thị Hải Hà	27/05/1974	TH An Khánh	8	
41	Trần Ngọc Thảo Quyên	26/04/1998	TH An Khánh	8	
42	Võ Thị Cẩm Vinh	26/09/1982	TH An Bình	7	
43	Nguyễn Thị Ngọc Trang	05/03/1985	TH An Bình	7	
44	Nguyễn Thị Lộc	28/09/1992	TH An Bình	6	
45	Đặng Nguyễn Ái Vy	17/12/1988	TH Lương Thế Vinh	8	
46	Trần Thị Hường	21/4/1991	TH Lương Thế Vinh	8	
47	Trần Thị Hiền	03/02/1989	TH Bình Trưng Đông	8	
48	Phạm Ngọc Anh Thy	04/01/1997	TH Bình Trưng Đông	8	
49	Vũ Thị Diệu	12/11/1989	TH Bình Trưng Đông	6	
50	Nguyễn Duy Thông	20/02/1995	TH Bình Trưng Đông	8	
51	Trần Xuân Uyên	27/01/1992	TH Bình Trưng Đông	7	
52	Nguyễn Thị Hương Sen	16/02/1994	TH Nguyễn Văn Trỗi	7	
53	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	04/06/1990	TH Nguyễn Văn Trỗi	8	
54	Trần Vũ Trung Nghĩa	14/02/1994	TH Nguyễn Văn Trỗi	7	
55	Nguyễn Thị Hồng	20/11/1974	TH Nguyễn Văn Trỗi	7	
56	Châu Thị Mỹ Hạnh	25/06/1978	TH Mỹ Thủy	7	
57	Bùi Thị Thu Huyền	25/10/1991	TH Mỹ Thủy	7	
58	Phan Thị Hồng Thắm	1998	THCS Nguyễn Văn Trỗi	8	
59	Trần Huỳnh Trúc Chi	1995	THCS Nguyễn Văn Trỗi	8	

60	Lưu Thị Thanh	1989	THCS Nguyễn Văn Trỗi	8	
61	Lưu Trung Kiên	1995	THCS Nguyễn Văn Trỗi	8	
62	Nguyễn Quốc Duy	1991	THCS Nguyễn Văn Trỗi	6	
63	Lê Thị Quỳnh Giang	04/10/1988	THCS Cát Lái	8	
64	Trần Thị Tuyết Lành	02/04/1992	THCS Cát Lái	9	
65	Bùi Thị Hoài	10/03/1991	THCS Cát Lái	8	
66	Nguyễn Thị Huê	09/09/1988	THCS Cát Lái	8	
67	Nguyễn Thị Duyên	09/02/1991	THCS Cát Lái	7	
68	Phạm Giang Nam	16/03/1978	THCS Cát Lái	7	
69	Nguyễn Thị Thu Hòa	21/06/1996	THCS Cát Lái	7	
70	Lê Hoàng Nam	03/07/1991	THCS Cát Lái	8	
71	Lê Văn Tiến	08/07/1980	THCS Cát Lái	8	
72	Nông Đức Trung	08/10/1994	THCS Cát Lái	8	
73	Nguyễn Thụy Duy An	08/12/1986	THCS Lương Định Của	8	
74	Hoàng Ngọc Oanh	02/05/1987	THCS Lương Định Của	6	
75	Lê Đình Quang	09/02/1981	THCS Lương Định Của	5	
76	Nguyễn Thị Hàn Thuyên	19/10/1997	THCS Lương Định Của	5	
77	Ngô Thị Thanh Thảo	22/09/1986	THCS Nguyễn Thị Định	6	
78	Trương Thị Hồng Nhung	29/12/1989	THCS Nguyễn Thị Định	6	
79	Trần Thị Ngọc Nga	09/10/1988	THCS Nguyễn Thị Định	6	
80	Nguyễn Thị Hải Yến	02/03/1997	THCS Nguyễn Thị Định	5	
81	Mai Trọng Xuân Trọng	28/03/1995	THCS Giồng Ông Tố	5	
82	Cao Thị Tú	02/06/1989	THCS Giồng Ông Tố	5	
83	Thái Thị Bích Dung	15/01/1985	THCS Trần Quốc Toản	6	
84	Ngô Ngọc Tuyền	18/05/1995	THCS Trần Quốc Toản	5	
85	Nguyễn Thị Hạnh Hồng	01/12/1970	THCS Trần Quốc Toản	7	
86	Phan Thanh Dũng	27/07/1990	THCS Trần Quốc Toản	5	
87	Trần Thị Thúy Hằng	04/10/1993	THCS Trần Quốc Toản	6	
88	Hoàng Thị Thủy	19/04/1986	THCS Trần Quốc Toản	6	
89	Phạm Thu Thủy	10/03/1992	THCS Trần Quốc Toản	7	
90	Nguyễn Ngọc Trân	10/06/1992	THCS Trần Quốc Toản	7	
91	Lâm Nhựt An	28/07/1995	THCS Trần Quốc Toản	5	
92	Ngô Thị Hồng Đào	25/10/1991	THCS Trần Quốc Toản	7	

93	Đặng Thị Quyên	03/04/1997	THCS Trần Quốc Toản	5	
94	Vũ Thị Lan	28/01/1992	THCS Trần Quốc Toản	5	
95	Nguyễn Thị Tường Vi	11/09/1992	THCS Trần Quốc Toản	6	
96	Nguyễn Mai Lý	27/09/1997	THCS Trần Quốc Toản	5	
97	Khương Thụy Minh Tâm	27/07/1997	THCS Trần Quốc Toản	7	
98	Dương Minh Thắng	30/11/1992	THCS Bình An	7	
99	Chu Thị Thùy Linh	28/01/1996	THCS Bình An	5	
100	Phan Thiên Hương	04/09/1976	Trường THCS An Phú	5	
101	Lý Kim Lộc	14/11/1994	Trường THCS An Phú	6	
102	Nguyễn Thị Thanh Thúy	02/07/1984	Trường THCS An Phú	6	

Tổng cộng danh sách: 102 người./.

Người lập danh sách

như

Lâm Ngọc Quỳnh Như



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
Nguyễn Phúc Huy Tùng